

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN HÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 267/BC-UBND

Sơn Hà, ngày 25 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

**Tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội 05 năm giai
đoạn 2021 – 2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội
05 năm giai đoạn 2026-2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Sơn Hà

Phần thứ nhất:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động của huyện ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết của HĐND xã về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 05 năm 2021 - 2025; trên cơ sở tình hình thực tế của xã, UBND các xã, thị trấn đã ban hành các Quyết định triển khai các Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết đại hội đảng; Nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ, của tỉnh, của huyện và Nghị quyết của HĐND xã, trong đó, đã cụ thể hóa, xác lập các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, thời gian thực hiện và phân công trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp gắn với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2020 - 2025, phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021 - 2025. Hàng năm, căn cứ Nghị quyết của cấp trên về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước; Kết luận của Đảng ủy; Nghị quyết của HĐND xã về Kế hoạch phát triển KTXH, UBND xã ban hành các Quyết định về giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KTXH và Quyết định về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH, theo đó đã chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể, tiến độ thực hiện và hoàn thành cho các sở, ban ngành, đơn vị, triển khai thực hiện góp phần thúc đẩy phát triển KTXH, đảm bảo quốc phòng và an ninh trên địa bàn xã Sơn Hà.

Xã Sơn Hà được thành lập theo Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm

2025; có Diện tích tự nhiên: 163,438 km²; Quy mô dân số 5.236 hộ, với 20.326 người; trong đó người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 67,34%; Tỷ lệ hộ nghèo đạt 10,91%; cận nghèo đạt 6,27%. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp với xã Sơn Hạ; phía Tây giáp xã Sơn Tây Thượng và xã Sơn Tây; phía Nam giáp xã Sơn Thủy và xã Sơn Tây Hạ; phía Bắc giáp với xã Tây Trà Bồng, xã Tây Trà và xã Cà Đàm. Trong gian đoạn 2021 – 2025 mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, trong quá trình triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; tuy nhiên cùng với sự nỗ lực, phấn đấu, chung tay của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và sự đóng góp tích cực của Nhân dân, sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng ủy, sự tập trung chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân xã các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả tích cực, cụ thể như sau:

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 05 NĂM 2021 - 2025

1. Bối cảnh triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 – 2025

Bước vào giai đoạn 2021 - 2025, các xã, thị trấn (cũ) trên địa bàn đã nhận diện những thời cơ, thuận lợi và những khó khăn, thách thức trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết phát sinh những khó khăn mới chưa lường hết được. Việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 diễn ra trong bối cảnh thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường; đại dịch Covid-19, xung đột, sự điều chỉnh chiến lược và cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn dẫn đến lạm phát, giá cả hàng hóa tăng cao,... cùng với biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, tình hình tôn giáo, lấn chiếm, tranh chấp, khiếu kiện bồi thường đất đai chưa được giải quyết triệt để đã tạo ra những thuận lợi, thời cơ, khó khăn, thách thức đan xen, nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết, đã tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống Nhân dân. Song, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn (cũ); sự phối hợp, hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị; sự tham gia tích cực của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã tạo động lực lớn để từng bước vượt qua khó khăn, thách thức, tổ chức thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2020 - 2025 và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

2. Về phát triển kinh tế, xã hội

Kinh tế tiếp tục phát triển; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng: tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn (giá so sánh 2010) ước đạt 726,156 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân 2020 – 2025 đạt 6,85%, trong đó: Thương mại - dịch vụ tăng bình quân 8,5%; công nghiệp - xây dựng 6,59%, nông nghiệp 2,89%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Cụ thể: tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 57,11%, công nghiệp - xây dựng chiếm 23,44%, nông nghiệp chiếm 19,45%. Tổng thu ngân sách nhà nước 05 năm ước đạt 7,564 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 231 tỷ đồng.

2.1. Dịch vụ, du lịch có chuyển biến tích cực

- Tỷ trọng ngành dịch vụ ngày càng chiếm tỷ trọng cao cơ cấu kinh tế. Các hoạt động thương mại, dịch vụ đã phục hồi sau đại dịch Covid-19 và từng bước phát triển; các lĩnh vực ngân hàng, vận tải, giao hàng, chuyển phát nhanh, giáo dục, làm đẹp, ăn uống... phát triển sôi động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đã giải quyết việc làm cho hơn 4.800 lao động.

- Đã tập trung xây dựng, phát triển một số loại hình, sản phẩm du lịch có thể mạnh của địa phương như: du lịch văn hóa gắn với các di tích lịch sử - văn hóa, di tích tâm linh, du lịch biển... bên cạnh đó, thường xuyên vận động lao động địa phương đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng¹.

2.2. Tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển

- Một số ngành nghề được đầu tư, mở rộng quy mô, nhất là các ngành nghề thế mạnh của địa phương như: cơ khí, mộc dân dụng, điện lạnh, sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm,... Qua đó góp phần giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho người dân, đồng thời đóng góp nguồn thu cho ngân sách địa phương. Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO, đổi mới công nghệ, thay thế thiết bị tự động hóa, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Đã tích cực chỉ đạo xây dựng sản phẩm đạt chuẩn thương hiệu OCOP. Đến nay, toàn địa bàn xã có 7 sản phẩm đạt OCOP 3 sao còn thời hạn². Các sản phẩm OCOP của địa phương đã từng bước phát triển về số lượng và chất lượng, tăng tính cạnh tranh hướng tới xây dựng thương hiệu trong môi trường kinh tế nông nghiệp hiện nay.

2.3. Nông nghiệp tiếp tục phát triển, bộ mặt nông thôn ngày càng khang trang

- Đã tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng chuyên canh, an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả được triển khai và nhân rộng. Các loại hình dịch vụ phục vụ ngành nông nghiệp như vật tư nông nghiệp, chế biến, làm đất,... phát triển mạnh.

- Tổng đàn gia súc, gia cầm giảm dần do diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp bởi các dự án, tuy nhiên chất lượng sản phẩm chăn nuôi được cải thiện rõ rệt. Hằng năm triển khai hiệu quả công tác tiêm phòng vắc-xin, tiêu độc khử trùng môi trường để phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Đồng thời, tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về chăn nuôi, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm cho người dân.

¹ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay có 67 lao động tham gia làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động (Di Lăng: 08 người; Sơn Thượng: 07 người; Sơn Bao: 52 người).

² Sản phẩm Bò khô Nghĩa Ân; sản phẩm Thịt heo muối Bé Đen; Cá Lăng gác bếp Plây Hrê; Cá Lăng cắt lát Trung Mân; Thịt cá Thác lác Trung Mân; Ớt xiêm rừng ngâm giấm; Muối ớt xiêm Sơn Hà;

- Thường xuyên tuyên truyền, thực hiện các giải pháp chống khai thác thủy sản bất hợp pháp.

- Công tác xây dựng nông thôn mới luôn được UBND xã quan tâm xuyên suốt trong quá trình thực hiện. Đến nay Chương trình xây dựng nông thôn mới đã đạt được những kết quả quan trọng; Cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư, nâng cấp, mở rộng ngày càng khang trang; một số mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết sản xuất được hình thành; thu nhập và đời sống người dân được nâng lên; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; hệ thống chính trị cơ sở ngày càng được củng cố. Tổng số tiêu chí nông thôn mới của các xã trước sáp nhập: Sơn Bao đạt 12/19 tiêu chí và Sơn Thượng đạt 10/19 tiêu chí.

2.4. Hệ thống kết cấu hạ tầng tiếp tục được xây dựng, nâng cấp, chỉnh trang, góp phần nâng cao tiêu chí xã nông thôn mới

- Việc huy động và sử dụng các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng được cấp uỷ, chính quyền đặc biệt quan tâm thực hiện. Nhờ đó cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được đầu tư đồng bộ, tạo chuyển biến rõ nét về diện mạo nông thôn và đô thị. Từ năm 2020 đến nay, toàn địa bàn ba xã đã triển khai 47 công trình, dự án với tổng vốn đầu tư hơn 231 tỷ đồng, tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu như: giao thông nông thôn, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, trường học, nhà văn hóa, kè chống sạt lở, cảnh quan môi trường... Các công trình hoàn thành đã phát huy hiệu quả rõ rệt, phục vụ thiết thực đời sống người dân, hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa và kết nối vùng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Đối với thị trấn Di Lăng (cũ), tiếp tục được đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị theo tiêu chí mới. Nhiều công trình, dự án hạ tầng đô thị được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm như: hệ thống giao thông, cây xanh, chiếu sáng đô thị, các công trình văn hóa, khu dân cư và công trình cảnh quan³. Đồng thời, chú trọng duy trì và chăm sóc cây xanh, hoa cảnh đô thị, đảm bảo mỹ quan và chất lượng môi trường sống. Đến cuối nhiệm kỳ, thị trấn Di Lăng đạt 39/49 tiêu chuẩn đô thị loại IV (10 tiêu chuẩn chưa đạt). Tỷ lệ số hộ dân trong đô thị Di Lăng sử dụng nước hợp vệ sinh ước năm 2025 đạt 96,3 % (*vượt chỉ tiêu NQ, đến năm 2025 đạt 90%*).

- Mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học cơ bản đáp ứng nhu cầu. Công tác giáo dục và đào tạo có nhiều đổi mới, chất lượng giáo dục được nâng cao, đạt được kết quả đáng ghi nhận. Trong những năm qua, cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn xã đã được các cấp quan tâm đầu tư ngày càng khang trang, phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Chất lượng giáo dục của các bậc học đã từng bước được nâng lên; đội ngũ giáo viên ngày càng được bổ

³ Hoàn thành việc sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Di Lăng; hoàn thành Đường Bùng Binh – đi Cầu Tà Man; xây dựng công trình Trung tâm truyền thông văn hóa thể thao, Nhà văn hóa thiếu nhi (Sân vận động), Trung tâm bảo tồn văn hóa Hre; triển khai xây dựng các công trình Đường Tránh Tây, Kè Sông Rin, Kè Tà Man, Đường ĐH 77 (Di Lăng-Sơn Bao); Chỉnh trang đô thị thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Sơn Hà; Xây dựng, cải tạo cảnh quan Đồi Ni, thị trấn Di Lăng; Nâng cấp, mở rộng nghĩa trang thị trấn Di Lăng (giai đoạn 2); khu dân cư Gò Dếp, Cà Tu

sung về số lượng, chuẩn hoá về chất lượng. Công tác phổ cập ở các bậc học được quan tâm; hằng năm, duy trì đạt chuẩn phổ cập từ bậc mầm non đến trung học cơ sở. Hiện nay, trên địa bàn xã có 04 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 03 trường THCS, 01 trường THPT và THPT, trong đó có 05 trường đạt chuẩn quốc gia.

2.5. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu đạt nhiều kết quả

- Công tác quy hoạch được chú trọng. Đã phối hợp với ngành chức năng triển khai thực hiện Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cho các dự án, công trình quan trọng trên địa bàn; đề xuất điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch chung.

- Triển khai thực hiện tốt quy định về quản lý cây xanh; Quy chế quản lý kiến trúc để phục vụ công tác quản lý trật tự xây dựng gắn với ý thức chấp hành của người dân. Tăng cường công tác tuần tra xử lý các hành vi xây dựng trái phép, lấn, chiếm vỉa hè, lòng lề đường để làm nơi kinh doanh mua bán, họp chợ. Hệ thống cây xanh, chiếu sáng công cộng trên các tuyến đường, trong các khu dân cư tiếp tục được đầu tư, nâng cấp từng bước làm thay đổi bộ mặt của xã. Tỷ lệ che phủ cây xanh và chiếu sáng công cộng không ngừng được nâng lên.

- Công tác quản lý đất đai được tăng cường và đạt nhiều kết quả tích cực. Đã phối hợp chặt chẽ và đề nghị cấp mới, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân. Hướng dẫn công dân và phối hợp giải quyết các hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất. Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024. Phối hợp với chủ đầu tư, ngành chức năng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện các dự án đạt được nhiều kết quả.

- Quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản được quan tâm; xử lý nghiêm tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường, kịp thời kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư. Đồng thời, kiến nghị cấp trên xử lý những trường hợp vượt thẩm quyền.

- Công tác quản lý, bảo vệ môi trường được quan tâm, tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt khoảng 95%. Hệ thống thoát nước dân cư được đầu tư, giảm thiểu ô nhiễm; phần lớn hộ dân có công trình vệ sinh đạt chuẩn. Các địa phương tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân bảo vệ môi trường, sử dụng nước sạch, chăn nuôi hợp vệ sinh, góp phần cải thiện cảnh quan và chất lượng cuộc sống nông thôn, đô thị.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, sạt lở bờ sông... Tổ chức cuộc họp triển khai Phương án ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm; Ban hành quyết định thành lập BCH phòng thủ dân sự xã; Kế hoạch về thu Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn xã Sơn Hà. Tiếp tục tăng cường kiểm tra, nắm chắc địa bàn trọng yếu, tiếp tục rà soát, cập nhật các điểm có nguy cơ sạt lở, ngập úng, lũ quét, chủ động xây dựng kịch bản, phương án ứng phó phù hợp với diễn biến thời tiết, chủ động triển khai thực hiện phương châm “4 tại chỗ”.

3. Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội

3.1. Công tác giáo dục tiếp tục phát triển về quy mô và nâng cao chất lượng; duy trì chuẩn phổ cập giáo dục ở các bậc học; nâng cao chất lượng xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia

Công tác giáo dục và đào tạo có nhiều đổi mới, chất lượng giáo dục được nâng cao, đạt được kết quả đáng ghi nhận. Trong những năm qua, cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn xã đã được các cấp quan tâm đầu tư ngày càng khang trang, phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Chất lượng giáo dục của các bậc học đã từng bước được nâng lên; đội ngũ giáo viên ngày càng được bổ sung về số lượng, chuẩn hoá về chất lượng. Công tác phổ cập ở các bậc học được quan tâm; hằng năm, duy trì đạt chuẩn phổ cập từ bậc mầm non đến trung học cơ sở. Hiện nay, trên địa bàn xã có 04 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 03 trường THCS, 01 trường THPT và THPT, trong đó có 05 trường đạt chuẩn quốc gia.

3.2. Các hoạt động văn hoá, thể dục- thể thao, truyền thanh có nhiều nổi bật; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số; xây dựng đời sống văn hoá, đẩy lùi tư tưởng lạc hậu, mê tín dị đoan

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng trên địa bàn xã tăng về quy mô, chất lượng, thu hút sự hưởng ứng, tham gia của đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân; thành lập và duy trì hoạt động hiệu quả đội các đội văn nghệ của xã (Sơn Bao, Di Lăng), đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn, phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc H'rê trên địa bàn với nhiều loại hình như: đàn, hát dân ca, cồng chiêng, chế tác các nhạc cụ truyền thống, dệt thổ cẩm...; nhà văn hóa thôn, xã tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa; các thiết chế văn hoá ở cơ sở từng bước được đầu tư; phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*" ngày càng phát triển đã góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống ở địa phương.

Công tác trùng tu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, cảnh đẹp được quan tâm đầu tư và đưa vào hoạt động như một số hạng mục của Khu trung tâm bảo tồn Văn hóa H'rê, Nhà sàn truyền thống huyện Tương Dương,... Hiện nay, trên địa bàn xã có 01 di tích cấp tỉnh⁴ đã được công nhận; 01 điểm, khu di tích cần đưa vào kiểm kê bảo vệ⁵.

3.3. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được triển khai thường xuyên; kịp thời chỉ đạo củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; đội ngũ y, bác sỹ của Trạm Y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; công tác phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm ở người được đề cao; tập trung tổ chức thực hiện tốt công tác tiêm vắc xin phòng, chống, đẩy lùi dịch bệnh Covid-19. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng; chỉ đạo thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn

⁴ Di tích Chiến thắng Đồn Di Lăng (công nhận năm 2023).

⁵ Thắng cảnh Quần thể Hồ chứa nước Nước Trong.

thực phẩm, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm⁶. Tích cực triển các chương trình tiêm chủng quốc gia, nhất là đối với trẻ em, phụ nữ mang thai. Chính sách bảo hiểm y tế cho người dân luôn được quan tâm; tính đến nay, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế bình quân của xã là 94,33%⁷. Nhìn chung, các chỉ tiêu về y tế đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra; tiếp tục duy trì xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Việc cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em được triển khai thực hiện đồng bộ trong các cơ sở giáo dục; trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm dần qua từng năm.

3.4. Công tác an sinh xã hội, công tác dân tộc và thực hiện các chính sách dân tộc; đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững

Công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho đối tượng người có công, các chế độ chính sách, an sinh xã hội được các địa phương quan tâm chỉ đạo thường xuyên, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời; các chính sách, chương trình dự án cho đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện chặt chẽ; các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội được tập trung hỗ trợ ổn định sản xuất, phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững; do đó, công tác giảm nghèo đạt và vượt kế hoạch đề ra hàng năm. Đến nay, tổng số hộ nghèo trên địa bàn xã còn 250 hộ, tỷ lệ 4,78%; số hộ cận nghèo là 17 hộ, tỷ lệ 0,32%.

- Công tác giải quyết việc làm luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương chú trọng; chất lượng lao động ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện để lao động tiếp thu kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ và tham gia vào môi trường lao động công nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân; hằng năm, các xã phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề, các đơn vị tuyển dụng lao động, giới thiệu việc làm tổ chức sàn giao dịch việc làm nhằm giới thiệu lao động, học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông học nghề, giới thiệu việc làm cho lao động; bên cạnh đó, thường xuyên vận động lao động địa phương đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng⁸.

2.5. Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát theo chủ trương của Trung ương

Việc triển khai thực hiện công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có công với cách mạng và thân nhân liệt sỹ được khởi động từ tháng 10 năm 2024. Thực hiện chỉ đạo chung của Trung ương, tỉnh, huyện đảm bảo hoàn thành công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025; các xã đã thành lập Ban Chỉ đạo xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn, tổ chức kiểm tra, rà soát nhu cầu, xét chọn đối tượng, trình cấp thẩm quyền phê duyệt đối tượng, kinh phí để triển khai thực hiện; đồng thời tổ chức kêu gọi các tổ chức, cá nhân, nhân dân tham gia ủng hộ để thực hiện Chương trình. Tổng số hộ được hỗ

⁶ Hằng năm, tổ chức kiểm tra 02 đợt vào dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì ATTP. Qua kiểm tra đã phát hiện, xử lý 11/63 cơ sở vi phạm.

⁷ Sơn Thượng đạt 100%, Sơn Bao đạt 100%, Di Lăng đạt 83%.

⁸ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay có 67 lao động tham gia làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động (Di Lăng: 08 người; Sơn Thượng: 07 người; Sơn Bao: 52 người).

trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã (bao gồm cả 3 Chương trình⁹) là 160 hộ, trong đó có 104 hộ được hỗ trợ xây mới, 56 hộ được hỗ trợ sửa chữa với tổng kinh phí thực hiện là 7.920 triệu đồng¹⁰. Đến nay, việc triển khai thực hiện chương trình đã hoàn thành 100%.

4. Về lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng, an ninh

4.1. Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn xã tiếp tục được giữ vững; công tác quốc phòng được tăng cường và củng cố

Cấp ủy, chính quyền ba xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quán triệt, tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, kế hoạch của cấp trên về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Công tác tổ chức biên chế, xây dựng lực lượng hằng năm đều đạt 100% chỉ tiêu; duy trì nghiêm túc chế độ trực SSCĐ; chỉ đạo lực lượng thường xuyên phối hợp tuần tra, bảo vệ tốt các mục tiêu theo kế hoạch; phối hợp trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy chữa cháy rừng; diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ được thực hiện đúng quy định; công tác giao quân hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu cấp trên giao, gắn với làm tốt công tác hậu phương quân đội; ba xã đều đạt xã vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ba xã tiếp tục được giữ vững. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, Công an xã tham mưu cấp ủy nhiệm vụ đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội địa phương. Hằng năm, Đảng ủy các xã ra nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác bảo đảm an ninh trật tự địa phương; trong nhiệm kỳ, chính quyền và lực lượng Công an xã đã xử lý dứt điểm các vụ việc, không để vụ việc tồn đọng, kéo dài, phát sinh phức tạp; thường xuyên tổ chức tuần tra kiểm soát làm sạch địa bàn; vận động nhân dân thu gom, giao nộp vũ khí, vật liệu nổ; phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nhân dân tích cực trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự, không để xảy ra các tình huống “đột xuất, bất ngờ”, “điểm nóng” về an ninh, trật tự; công tác đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có nhiều đổi mới, phát huy hiệu quả tích cực trong định hướng, tuyên truyền thông tin đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được thực hiện hiệu quả, không để xảy ra các vụ cháy, nổ nghiêm trọng, thiệt hại lớn về người, tài sản.

Từ ngày 01/3/2025, thực hiện chủ trương của Trung ương sắp xếp tinh gọn bộ máy Công an địa phương đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới theo hướng “Tinh toàn diện, xã vững mạnh, bám cơ sở”, Công an huyện đã dừng hoạt động; Công an cấp xã được tăng cường xây dựng vững mạnh, bám cơ sở, giải quyết các vấn đề phát sinh về an ninh, trật tự ngay từ đầu và tại cơ sở. Đây là một trong những chủ trương lớn, được đông đảo

⁹ Đề án hỗ trợ nhà ở cho Người có công với cách mạng và thân nhân liệt sỹ; Hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo

¹⁰ Di Lăng thực hiện hỗ trợ 70 nhà (47 xây mới, 23 sửa chữa) với tổng kinh phí 3.510 triệu đồng; Xã Sơn Thượng thực hiện hỗ trợ 32 nhà (27 xây mới, 05 sửa chữa) với tổng kinh phí 1.770 triệu đồng; Xã Sơn Bao thực hiện hỗ trợ 58 nhà (30 xây mới, 28 sửa chữa) với tổng kinh phí 2.640 triệu đồng.

người dân quan tâm, ủng hộ.

4.2. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được tăng cường; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thực hiện nghiêm túc

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn các xã có nhiều chuyển biến tích cực, kịp thời triển khai quán triệt các văn bản của cấp trên về tôn giáo; hướng dẫn cho các trưởng điểm nhóm tổ chức đăng ký sinh hoạt đạo, chương trình lễ hàng năm. Hiện nay, trên địa bàn xã có 29 hệ phái với 01 chi hội, 28 điểm nhóm, nhóm sinh hoạt đạo Tin lành; có 469 hộ với 1.890 người theo đạo¹¹. Nhìn chung, các điểm nhóm đạo Tin lành tại địa phương sinh hoạt thuần túy, đúng nội dung, chương trình đã thông báo với chính quyền địa phương, chưa phát hiện những diễn biến phức tạp.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết nại, tố cáo; kịp thời ban hành các văn bản để chỉ đạo, phân công cán bộ, công chức tiếp công dân; công khai lịch tiếp công dân của Bí thư Đảng ủy, UBND và Chủ tịch UBND xã để Nhân dân biết, thực hiện quyền lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình. Chỉ đạo rà soát, giải quyết cơ bản hiệu quả các vụ việc kiến nghị, yêu cầu, nhất là các vụ việc tồn đọng, phức tạp¹², tỷ lệ giải quyết đơn thư đạt chỉ tiêu cấp thẩm quyền giao, góp phần giữ vững ổn định an ninh trật tự địa phương.

Công tác phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện đúng chủ trương, quy định của Đảng và Nhà nước; UBND các xã đã chủ động ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện; triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; thực hiện tốt việc công khai, minh bạch về thực hiện các chế độ, chính sách, định mức, tiêu chuẩn cho các đối tượng và việc thực hiện công tác thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định; thực hiện nghiêm túc việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập của cá nhân. Trong nhiệm kỳ, không có cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức trong Đảng bộ xã vi phạm quy định của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

4.3. Tập trung đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, nhất là triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ

Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số luôn được cấp ủy, chính quyền quan tâm, chỉ đạo thực hiện quyết liệt và đạt được một số kết quả tích cực. Các nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công được triển khai đồng bộ, góp phần cải thiện chỉ số cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công. Qua đó, góp phần củng cố niềm tin

¹¹ Di Lăng có 10 hệ phái Tin lành với 01 chi hội, 09 điểm nhóm, nhóm sinh hoạt; có 253 hộ với 992 người theo đạo; Sơn Thượng có 08 hệ phái với 10 điểm sinh hoạt tập trung, có 153 hộ/629 người theo đạo; Sơn Bao có 11 hệ phái Tin lành, 11 điểm nhóm, nhóm sinh hoạt; có 63 hộ với 269 người theo đạo.

¹² Trong nhiệm kỳ, Di Lăng tiếp nhận 247 đơn, Sơn Thượng tiếp nhận: 37 đơn, Sơn Bao tiếp nhận 48 đơn.

của người dân và doanh nghiệp vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Cấp ủy, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Đề án 06 (*theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030*). Nhờ sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, các địa phương đã hoàn thành và vượt một số chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; từng bước phát huy hiệu quả tích cực trong công tác cải cách thủ tục hành chính, khẳng định tính đúng đắn và kịp thời của việc triển khai Đề án 06. Qua đó, góp phần tạo nền tảng quan trọng cho chuyển đổi số toàn diện, hướng tới xây dựng Chính phủ số, xã hội số, kinh tế số và công dân số trong thời gian tới.

II. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Một số hạn chế, khó khăn

1.1. Về lĩnh vực kinh tế

Mặc dù kinh tế có tăng trưởng nhưng còn thấp so với tiềm năng; Nông nghiệp phát triển thiếu ổn định do thời tiết, dịch bệnh, giá cả thị trường; chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn manh mún, tự phát. Một số chỉ tiêu về sản xuất chưa đạt hiệu quả cao; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, nhất là lĩnh vực dịch vụ.

- Quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực chưa theo kịp yêu cầu phát triển, nhất là lĩnh vực đất đai, môi trường, rác thải. Tình trạng vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng vẫn còn xảy ra.

- Đầu ra của các sản phẩm nông nghiệp thiếu ổn định và còn nhiều khó khăn. Sản phẩm OCOP của địa phương chưa liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

- Một số dự án đầu tư trên địa bàn chậm tiến độ, ảnh hưởng đến đời sống của người dân và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Hạ tầng du lịch đầu tư chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu và chưa thu hút được các nhà đầu tư có năng lực.

- Công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực (*quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, trật tự đô thị, xây dựng, ...*) còn có mặt hạn chế; tình trạng vi phạm pháp luật về đất đai, sử dụng đất chưa đúng mục đích vẫn còn xảy ra.

- Công tác xây dựng nông thôn mới được cả hệ thống chính trị cùng với các tầng lớp Nhân dân quan tâm nhưng tiến độ còn chậm.

1.2. Về văn hóa, xã hội

Nhiều thiết chế văn hóa xuống cấp chậm được sửa chữa. Chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có mặt còn hạn chế, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao. Chất lượng khám, chữa bệnh có mặt chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài còn hạn chế. Thu nhập và đời sống dân cư nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi còn thấp. Công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững; tỷ lệ hộ

nghèo, cận nghèo còn cao.

Khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển KTXH của xã. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp chậm; công tác đào tạo nghề chưa đạt.

Tình trạng học sinh bỏ học, đi học không thường xuyên, tảo hôn còn xảy ra; tỷ lệ học sinh sau THCS học tiếp THPT, trung cấp nghề còn thấp.

Đội ngũ cán bộ công chức trong thực thi nhiệm vụ chưa đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; nguồn lực đầu tư cho hạ tầng công nghệ chưa nhiều; phần lớn người dân thiếu kỹ năng số, thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Công tác triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ có lúc còn chậm.

1.3. Về nội chính và quốc phòng, an ninh

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; một số loại tội phạm, tệ nạn xã hội như trộm cắp, vận chuyển lâm sản; tình trạng buôn bán, sử dụng chất cấm trong độ tuổi thanh, thiếu niên... còn xảy ra. Việc giải quyết tình trạng lấn chiếm đất rừng, tranh chấp đất đai một số vụ việc còn kéo dài. Quản lý nhà nước về tôn giáo có lúc chưa toàn diện; việc giải quyết đơn thư còn nhiều khó khăn.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện có nhiều khó khăn, thách thức. Trong nhiệm kỳ, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, thiên tai bão lũ; cả hệ thống chính trị vừa tập trung cho công tác phòng, chống dịch, khắc phục hậu quả thiên tai, vừa ổn định tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, nhiều doanh nghiệp phá sản, lao động mất việc làm.

- Trong quá trình xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu chưa dự báo được hết những khó khăn, thách thức, hầu hết các chỉ tiêu về kinh tế đặt ra khá cao, nhất là chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách. Cơ chế, chính sách còn nhiều vướng mắc, bất cập, nhất là trong lĩnh vực đất đai, thu hút đầu tư, nhưng chậm tháo gỡ, giải quyết.

- Nội lực trong nhân dân chưa được huy động đúng mức. Một bộ phận người dân chưa chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, còn có tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền ở một số thời điểm, lĩnh vực đôi lúc chưa toàn diện; việc triển khai thực hiện, giải quyết một số vấn đề chưa có tiền lệ nên trong công tác xử lý còn lúng túng; năng lực của một số cán bộ, công chức còn hạn chế trong thực thi nhiệm vụ;

- Một bộ phận cán bộ, công chức làm việc cầm chừng, chất lượng và tiến độ giải quyết công việc chưa đảm bảo. Công tác phối hợp trong giải quyết công việc có lúc còn thiếu đồng bộ; vai trò tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số đơn vị, cán bộ chuyên môn còn chậm trễ, thiếu chủ động.

- Một số chỉ tiêu trong nghị quyết đề ra nhưng nguồn lực của địa phương chưa đảm bảo, dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện và khó đạt được kết quả cao.

- Sự phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội có lúc chưa đồng bộ, hình thức trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chưa phong phú; một bộ phận người dân chưa tích cực ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, còn tâm lý trông chờ, hỗ trợ, chưa chủ động tích cực, cố gắng làm ăn, phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo.

4. Bài học kinh nghiệm:

- Vận dụng sáng tạo, linh hoạt các cơ chế chính sách của Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, huy động và khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với xây dựng Nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, phát huy tính năng động, nhạy bén, chủ động, kiên quyết trong quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của chính quyền. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm; kịp thời phát hiện chỉ đạo giải quyết những yếu kém, tháo gỡ khó khăn và những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn.

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên gắn với việc thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc "Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Coi trọng công tác xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, phát huy sức mạnh tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

- Tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và cả hệ thống chính trị; làm tốt công tác vận động quần chúng, thực hiện nghiêm túc Luật thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của quần chúng nhân dân.

- Khi cấp ủy có chủ trương, nghị quyết thì người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị phải triển khai tổ chức thực hiện kịp thời; trong đó, cần phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của các cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải xây dựng Đảng bộ thực sự đoàn kết thống nhất cả ý chí và hành động gắn bó với nhân dân, khơi dậy được phong trào thi đua yêu nước.

Tóm lại, Tình hình phát triển KTXH đạt được kết quả khả quan và chuyển biến tích cực. Kinh tế tiếp tục phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng; huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển; thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn vượt dự toán; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được tăng cường... Bên cạnh đó, các chính sách xã hội an sinh xã hội được tổ chức triển khai thực hiện tốt; bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân được nâng lên, công tác giảm nghèo đạt kết quả rõ nét; chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác đối ngoại được triển khai tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó, có một số hạn chế, khó khăn nhất định như đã nêu ở trên cần tập trung khắc phục trong giai đoạn tới.

Phần thứ hai:

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

I. Dự báo tình hình địa phương

Những năm tới, trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; khoa học, công nghệ và mạng xã hội phát triển nhanh, tác động mạnh đến tư tưởng, nhận thức xã hội. Quá trình đổi mới, hội nhập, phát triển trong thời gian tới đặt ra nhiều yêu cầu cao hơn.

Đối với xã Sơn Hà sau sáp nhập sẽ bước vào thời kỳ phát triển mới với những thuận lợi đan xen khó khăn, thách thức. Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân xã tiếp tục kế thừa thành quả, định hướng phát triển của các xã cũ trước sáp nhập, cùng với các chủ trương, định hướng của tỉnh Quảng Ngãi đối với xã để vận dụng và cụ thể hóa triển khai thực hiện nhiệm vụ sát với tình hình thực tiễn. Việc sáp nhập không chỉ mở rộng không gian phát triển mà còn tăng cường khả năng liên kết các xã trong khu vực để địa phương có bước tiến, đột phá trong thời gian tới. Tuy nhiên, việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã thời gian đầu vận hành còn nhiều khó khăn, đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của cả hệ thống chính trị, đòi hỏi sự đổi mới tư duy, nâng cao tính năng động, sáng tạo, thích ứng linh hoạt và tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Bên cạnh đó, kinh tế của Sơn Hà chủ yếu là kinh doanh nhỏ lẻ, khó bứt phá, cơ cấu chuyển dịch nền kinh tế chưa rõ nét; còn nhiều vấn đề xã hội cần được quan tâm giải quyết, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Trước tình hình này, đòi hỏi chính quyền và nhân dân xã Sơn Hà phải quyết tâm, nỗ lực hơn để phát triển đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực nhất là phát triển thương mại, dịch vụ; phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao; tập trung xây dựng chính quyền số để thúc đẩy nền hành chính công phát huy hiệu quả, xây dựng xã phát triển nhanh và bền vững, bảo vệ môi trường. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ gìn ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, giữ vững nguyên tắc xây dựng Đảng.

2. Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường với tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Chú trọng xúc tiến, thu hút đầu tư gắn với tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương ngoài xã nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững.

3. Phát huy tinh thần chủ động, tự lực, tự cường, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của xã; khơi dậy tinh thần yêu nước, truyền thống anh hùng cách mạng của quê hương để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế; khuyến khích và bảo vệ cán bộ, đảng viên dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

4. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, chung sức đồng lòng thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đề ra. Mọi chủ trương phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới. Lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

5. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của xã gắn với kiện toàn, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

III. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Phát huy truyền thống cách mạng anh hùng, đại đoàn kết toàn dân tộc; liên kết và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội để phát triển kinh tế – xã hội bền vững. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý. Tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển thương mại – dịch vụ trở thành động lực tăng trưởng khu vực trung tâm, phát triển sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Hre gắn với phát triển du lịch cộng đồng. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển trong tỉnh; ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng trung tâm xã xanh, sạch, đẹp, văn minh. Chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh

thần cho Nhân dân. Giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phần đầu đến năm 2030, Sơn Hà đạt mức phát triển khá so với các xã miền núi của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

2.1. Về kinh tế

(1) Phần đầu tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 tăng 9,5% - 10%/năm.

(2) Đến năm 2030, tỷ trọng Công nghiệp - xây dựng chiếm 41% - 42%; Dịch vụ chiếm 46% - 47%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 10% - 11% trong tổng sản phẩm xã.

(3) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu cấp thẩm quyền giao.

(4) Phần đầu đến năm 2030 tỷ lệ đường thôn, xóm được cứng hóa đạt 100%.

2.2. Về văn hóa – xã hội

(5) Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp các bậc học bình quân đạt 98%/năm; xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiểu học đúng độ tuổi, trung học cơ sở.

(6) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân đến năm 2030 đạt 95%.

(7) Hằng năm, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 92% trở lên; tỷ lệ thôn văn hóa đạt 100%; tỷ lệ cơ quan văn hóa đạt 100%.

(8) Tỷ lệ giảm hộ nghèo hàng năm đảm bảo 100% chỉ tiêu cấp trên giao.

(9) Đến năm 2030: Phần đầu xây dựng Trạm Y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 15%.

2.3. Về môi trường

(10) Phần đầu tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 61,8%.

(11) Đến năm 2030: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 80% trở lên.

2.4. Chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh (03 chỉ tiêu)

(12) Hằng năm, thực hiện tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu cấp thẩm quyền giao.

(13) Phần đầu, hằng năm xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh toàn diện về quốc phòng.

(14) Phần đầu trên 90% thôn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt chuẩn về “An toàn về an ninh trật tự”.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tập trung phát triển kinh tế nhanh, bền vững

- Bám sát định hướng quy hoạch phát triển của tỉnh và các tiềm năng, lợi thế đẩy mạnh kêu gọi, huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ

tăng kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân.

- Điều hành, quản lý chặt chẽ, hiệu quả thu chi ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí; phân đầu thu ngân sách nhà nước hằng năm vượt chỉ tiêu tỉnh giao; nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, ưu tiên cân đối nguồn vốn cho nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, các công trình, dự án có tính lan toả, thúc đẩy phát triển.

- Tăng cường công tác bảo vệ rừng, phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế rừng; ưu tiên phát triển trồng rừng gỗ lớn kết hợp với rừng cảnh quan, môi trường. Gắn trồng rừng sản xuất với cơ sở chế biến để nâng cao năng suất, chất lượng rừng nhằm mục tiêu đem lại lợi nhuận cao hơn cho người dân.

- Làm tốt công tác thủy lợi, đảm bảo nguồn nước tưới trong mùa khô; chủ động trong công tác phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong mùa mưa lũ; tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, rét và dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm trong mùa mưa, lạnh.

2. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, nhất là dịch vụ chất lượng cao

Phát triển hệ thống trung tâm thương mại, đầu tư cải tạo, nâng cấp chợ trên địa bàn. Tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã nắm bắt cơ hội tham gia phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, nhất du lịch cộng đồng, trải nghiệm, ... Xây dựng một số điểm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái... Thu hút kêu gọi đầu tư các điểm du lịch Hồ Nước Trong, Hồ Thủy điện...;

3. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, theo hướng tăng tính chuyên nghiệp và cạnh tranh

Tập trung phát triển tiểu thủ công nghiệp, nhất là các ngành chế biến các sản phẩm đặc sản, truyền thống, các ngành thu hút nhiều lao động. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến - chế tạo.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong việc chuyển giao và ứng dụng các thiết bị, công nghệ tiên tiến trong lắp ráp, sửa chữa các ngành gia công, sản xuất sản phẩm phục vụ nông ngư nghiệp, tiêu dùng ... Thực hiện tốt công tác liên kết giữa các cơ sở tiểu thủ công nghiệp để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, nâng cao tính chuyên nghiệp, cạnh tranh trên thị trường.

4. Phát triển nông nghiệp gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới

Tập trung triển khai thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, tập trung phát triển sản phẩm chủ lực theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm tăng năng suất cây trồng, giảm chi phí; đẩy mạnh công tác khuyến lâm - khuyến nông. Đồng thời tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan liên quan để áp dụng các mô hình phát triển kinh tế phù hợp tại địa phương, phát triển một số vật nuôi, cây trồng có tính chất đặc thù, phù hợp theo hướng hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao, xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả.

Hoàn thiện, nâng cấp các sản phẩm thể mạnh, đặc trưng hiện có của địa phương. Nâng hạng một số sản phẩm OCOP lên 3 sao và 4 sao. Sản phẩm OCOP của địa phương.

5. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, tăng cường công tác quản lý quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

a. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch

Thực hiện cấm mốc Quy hoạch và tăng cường công tác quản lý quy hoạch. Trên cơ sở quy hoạch chung của tỉnh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tiến hành rà soát, cập nhật, điều chỉnh quy hoạch phục vụ cho nhu cầu đầu tư phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Triển khai lập quy hoạch chung xã Sơn Hà, điều chỉnh quy hoạch chi tiết phù hợp với không gian phát triển mở rộng. Thực hiện có hiệu quả và quản lý chặt chẽ các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhằm tạo lập cơ sở vững chắc để phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

b. Về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội

Tăng cường đầu tư xây dựng mới, sửa chữa các trục đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, đê kè đảm bảo chống ngập và thoát nước hiệu quả. Hoàn thiện hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn xã.

Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách. Theo dõi, giám sát chặt chẽ việc đầu tư các khu dân cư đảm bảo tiến độ, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, kết nối dự án với khu vực lân cận.

c. Thực hiện tốt công tác đất đai, tài nguyên khoáng sản, môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát động phong trào trồng rừng theo quy hoạch và kế hoạch hằng năm. Phát triển kinh tế rừng, có cơ chế đặc thù để bảo đảm vừa làm tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng, vừa tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân sống ở khu vực có rừng. Tăng nhanh diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Nâng cao chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn, lâm đặc sản, đáp ứng cơ bản nhu cầu trong nước và làm nguyên liệu chế biến hàng xuất khẩu. Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

- Vận động người dân thực hiện nếp sống thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Khuyến khích các hoạt động sản xuất, kinh doanh không gây ô nhiễm môi trường; tăng cường sử dụng nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường; thúc đẩy việc tái sử dụng, tái chế rác thải, chất thải. Thực hiện tốt việc phân loại rác thải tại nguồn. Không sử dụng các chất độc hại trong trồng trọt, chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Thực hiện tốt việc bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản, xử lý triệt để việc khai thác, đánh bắt mang tính hủy diệt, tận diệt.

- Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý quy hoạch sử dụng đất; rà soát, giải quyết các vi phạm, khiếu kiện về đất đai; tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành công tác cắm mốc giới quỹ đất đôi dư. Đẩy nhanh tiến độ đăng ký đất đai, đo đạc bản đồ, cấp GCNQSDĐ nhằm đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhân dân nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; thường xuyên tổ chức kiểm tra, tuần tra, truy quét, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng phòng hộ và khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép.

6. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn, liên kết với các điểm du lịch của các địa phương lân cận để hình thành sản phẩm du lịch, tuyến du lịch.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững, phấn đấu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tổ chức sắp xếp lại các trường học; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và duy trì trường đạt chuẩn quốc gia tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới đúng lộ trình đề ra; đảm bảo công tác phổ cập giáo dục xóa mù chữ hàng năm. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; kêu gọi xã hội hóa giáo dục bắt đầu từ những nơi tập trung đông dân cư.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về phát triển văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa và thông tin. Phát huy vai trò của cộng đồng về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; quản lý các điểm di tích lịch sử - văn hóa. Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở; từng bước xây dựng sân vận động, sân thể thao ở các thôn, tổ dân phố nơi có điều kiện; sưu tầm, khai thác các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hướng đến xây dựng nền hành chính hiện đại chuyên nghiệp phục vụ Nhân dân; đồng thời, gắn với việc đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu; đẩy mạnh thực hiện Đề án 06

trên địa bàn xã.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia; chính sách, chế độ bảo hiểm y tế toàn dân; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi. Tăng cường kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất, kiểm soát nguồn gốc thực phẩm. Phối hợp, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân; duy trì xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Tập trung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, nhất là lao động trẻ, đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại. Thực hiện tốt chính sách việc làm cho người lao động, hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên, chính sách đào tạo nghề cho bộ đội xuất ngũ, hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện chính sách người có công, an sinh xã hội. Vận động toàn xã hội tham gia giúp đỡ người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, trẻ em khuyết tật có cuộc sống ổn định. Phối hợp, thực hiện có hiệu quả các chính sách, chế độ đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Về quốc phòng, an ninh, công tác nội chính

7.1. Tăng cường củng cố, giữ vững quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các lực lượng

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất của chính quyền đối với lực lượng vũ trang. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước lĩnh vực quốc phòng, an ninh; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, hệ thống chính trị trong xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh. Xác định nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị và của toàn dân, trong đó lực lượng vũ trang là nòng cốt. Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng các hạng mục công trình theo quy hoạch, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, phù hợp với chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh, vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng lực lượng vũ trang xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Nhân dân, thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, làm nòng cốt cho toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Xây dựng lực lượng quân nhân dự bị và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; chỉ đạo lực lượng thường xuyên phối hợp tuần tra, truy quét, bảo vệ tốt các mục tiêu theo kế hoạch; phối hợp trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy chữa cháy rừng; diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ; thực thực công tác giao quân đảm bảo về số lượng và chất lượng, gắn với công tác hậu phương quân đội. Công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên trong các lực lượng đảm bảo chỉ tiêu cấp trên giao.

7.2. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông; tiếp tục phát động phong trào thi đua toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Tập trung thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông trên địa bàn xã. Kịp thời phát hiện, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Thường xuyên phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Giữ vững an ninh chính trị, tăng cường an ninh cơ sở. Chủ động nắm chắc, dự báo sát, đúng tình hình, tích cực phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Kiên trì thực hiện mục tiêu kiềm chế gia tăng, kéo giảm tội phạm. Kiên quyết đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm ma túy, tội phạm có vũ trang; tiếp tục các giải pháp giảm tai nạn giao thông, giảm cháy nổ.

7.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công vụ; tiếp dân, đối thoại với dân và xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của dân. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tăng cường kiểm soát quyền lực, giám sát việc thực thi quyền lực. Tăng cường công tác kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức trong việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật công vụ và việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030 của xã Sơn Hà./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Anh Quang

Biểu mẫu số 1
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2021 - 2025
(Kèm theo Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Sơn Hà)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016 - 2020	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	ƯTH năm 2025	Ước TH giai đoạn 2021- 2025/ đến năm 2025	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021- 2025	Ghi chú
I	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã giá hiện hành	Triệu đồng	1.075.716,08	1.205.699,39	1.287.251,39	1.371.322,90	1.359.656,82	1.497.962,61	6.721.893,11	6,85	
	Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản)	Triệu đồng	251.563,72	259.255,79	267.627,11	276.880,49	278.311,21	291.315,13	1.373.389,72	2,98	
	Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng)	Triệu đồng	255.249,53	284.079,47	299.936,88	328.905,96	328.109,84	351.143,83	1.592.175,99	6,59	
	Trong đó: Công nghiệp	Triệu đồng	122.581,00	147.875,88	144.087,37	153.456,21	157.571,43	170.373,11	773.364,00	6,81	
	Khu vực III (Dịch vụ)	Triệu đồng	568.902,83	662.364,12	719.687,40	765.536,45	753.235,77	855.503,65	3.756.327,40	8,50	
II	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã giá SS 2010	Triệu đồng	521.324,86	584.425,26	624.213,38	664.164,53	684.116,43	726.156,31	3.283.075,91	6,85	
	Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản)	Triệu đồng	127.507,67	131.406,47	135.649,56	140.339,74	143.899,57	147.656,08	698.951,42	2,98	
	Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng)	Triệu đồng	107.061,46	119.153,85	125.805,06	137.955,80	139.582,02	147.283,22	669.779,96	6,59	
	Trong đó: Công nghiệp	Triệu đồng	35.734,72	43.108,66	42.004,23	44.735,43	45.714,55	49.667,03	225.229,91	6,81	
	Khu vực III (Dịch vụ)	Triệu đồng	286.755,73	333.864,94	362.758,76	385.868,99	400.634,84	431.217,00	1.914.344,53	8,50	
III	Tốc độ phát triển tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã giá SS 2010	%	0,00	112,10	106,81	106,40	103,00	106,15	534,46		
	Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản)	%	0,00	103,06	103,23	103,46	102,54	102,61	514,89		
	Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng)	%	0,00	111,29	105,58	109,66	101,18	105,52	533,23		
	Trong đó: Công nghiệp	%	0,00	120,64	97,44	106,50	102,19	108,65	535,41		
	Khu vực III (Dịch vụ)	%	0,00	116,43	108,65	106,37	103,83	107,63	542,91		
4	Cơ cấu ngành kinh tế	%	100,01	100,00	100,00	99,99	100,00	100,00	499,99	0,00	
	Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản)	%	23,39	21,50	20,79	20,19	20,47	19,45	102,40	-3,62	
	Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng)	%	23,73	23,56	23,30	23,98	24,13	23,44	118,41	-0,25	
	Trong đó: Công nghiệp	%	11,40	12,26	11,19	11,19	11,59	11,37	57,60	-0,05	
	Khu vực III (Dịch vụ)	%	52,89	54,94	55,91	55,82	55,40	57,11	279,18	1,55	
IV	Nông nghiệp								0,00		
a)	Trồng trọt								0,00		
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	3.947,22	3.845,58	3.984,63	4.029,83	4.189,48	4.306,26	20.355,77	1,76	
	Trong đó: + Thóc	Tấn	3.884,60	3.800,90	3.944,00	3.954,90	4.091,20	4.192,45	19.983,45	1,54	
	+ Ngô	Tấn	62,62	44,68	40,63	74,93	98,28	113,81	372,32	12,69	
	+ Lúa: Diện tích	Ha	821,90	816,20	821,60	825,10	828,00	827,20	4.118,10	0,13	
	Năng suất	Tạ/ha	47,26	46,57	48,00	47,93	49,41	50,68	242,60	1,41	
	Sản lượng	Tấn	3.884,60	3.800,90	3.944,00	3.954,90	4.091,20	4.192,45	19.983,45	1,54	
	+ Ngô: Diện tích	Ha	19,10	14,00	12,40	22,60	28,70	32,81	110,51	11,43	
	Năng suất	Tạ/ha	32,78	31,91	32,76	33,15	34,24	34,69	166,76	1,14	
	Sản lượng	Tấn	62,62	44,68	40,63	74,93	98,28	113,81	372,32	12,69	
	+ Lạc: Diện tích	Ha	5,90	4,50	6,20	10,40	10,70	23,00	54,80	31,27	
	Năng suất	Tạ/ha	21,93	22,18	23,47	23,60	24,02	24,08	117,35	1,89	
	Sản lượng	Tấn	12,94	9,98	14,55	24,55	25,70	55,39	130,17	33,75	
	+ Đậu: Diện tích	Ha	4,70	3,30	3,70	3,00	4,13	5,17	19,30	1,92	

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016 - 2020	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	ƯTH năm 2025	Ước TH giai đoạn 2021- 2025/ đến năm 2025	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021- 2025	Ghi chú
	Năng suất	Tạ/ha	8,48	8,50	8,73	9,00	8,96	9,36	44,55	1,99	
	Sản lượng	Tấn	3,99	2,81	3,23	2,70	3,70	4,84	17,28	3,96	
	- Sản: diện tích	Ha	1.356,30	1.316,70	1.268,80	1.291,00	1.288,90	1.260,20	6.425,60	-1,46	
	Năng suất	Tạ/ha	161,49	147,04	149,70	151,00	151,50	153,03	752,28	-1,07	
	Sản lượng	Tấn	21.902,32	19.361,40	18.994,11	19.494,66	19.527,40	19.284,60	96.662,17	-2,51	
	- Rau: diện tích	Ha	28,79	33,61	31,90	32,53	32,00	33,83	163,87	3,28	
	Năng suất	Tạ/ha	72,32	85,06	72,18	80,19	66,34	65,47	369,24	-1,97	
	Sản lượng	Tấn	208,20	285,88	230,26	260,86	212,30	221,47	1.210,77	1,24	
	- Mía: diện tích	Ha	0,10	0,11	0,80	0,70	0,67	0,67	2,95	46,29	
	Năng suất	Tạ/ha	691,35	716,15	627,49	619,21	623,43	628,36	3.214,65	-1,89	
	Sản lượng	Tấn	6,91	7,88	50,20	43,35	41,77	42,10	185,29	43,52	
b)	Chăn nuôi										
	- Đàn gia súc:										
	+ Đàn trâu	Con	1.777,00	1.707,00	1.656,00	1.634,00	1.605,00	1.567,00	8.169,00	-2,48	
	+ Đàn bò	Con	3.538,00	3.424,00	3.344,00	3.248,00	3.194,00	3.169,00	16.379,00	-2,18	
	Tỷ trọng bò lai	%	69,48	77,44	83,72	81,19	60,00	60,00	362,35	-2,89	
	+ Đàn lợn	Con	3.504,00	3.464,00	3.537,00	3.610,00	3.682,00	3.589,00	17.882,00	0,48	
	+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	774,40	801,95	819,44	838,51	856,52	862,03	4.178,45	2,17	
	- Đàn gia cầm	Con	41.891,00	41.932,00	43.550,00	46.339,00	49.893,00	52.611,00	234.325,00	4,66	
2	Lâm nghiệp										
	- Tổng diện tích đất có rừng	Ha	10.718,02	10.785,03	10.787,16	10.791,57	10.037,64	10.043,10	52.444,50	-1,29	
	Trong đó: Rừng trồng	"	6.879,14	6.970,73	6.973,24	6.968,83	7.000,69	7.005,46	34.918,95	0,36	
	- Diện tích rừng trồng mới tập trung	"	702,75	888,91	781,38	736,84	667,18	689,65	3.763,96	-0,38	
	Trong đó: Rừng sản xuất	"	702,75	888,91	781,38	736,84	667,18	689,65	3.763,96	-0,38	
	Gỗ rừng trồng khai thác	M³	65.105,53	69.594,41	66.709,48	74.792,02	60.311,94	73.560,00	344.967,85	2,47	
	- Tỷ lệ che độ che phủ rừng						61,65	61,72			
3	Thủy sản										
	- Sản lượng thủy sản	Tấn	25,98	23,68	25,11	25,81	26,23	27,37	128,19	1,05	
	+ Sản lượng khai thác	"	13,80	14,71	15,56	15,92	15,74	16,32	78,25	3,41	
	+ Sản lượng nuôi trồng	"	12,18	8,97	9,55	9,89	10,49	11,05	49,94	-1,93	
	- Diện tích mặt nước nuôi trồng	Ha	2,65	2,43	2,46	2,50	2,46	2,47	12,32	-1,43	
4	Thủy lợi										
	- Tổng diện tích được tưới	Ha	349,8	831,4	813	822	193	187	2.846,40	-11,77	
	Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố	"	349,8				193	187	380,00		
V	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG								-		
1	Giáo dục và đào tạo								-		
	Tổng số học sinh đầu năm học		4.600,0	4.653,0	4.670,0	4.685,0	4.603,0	4.623,0	23.234,00	0,10	
	- Mầm non	Cháu	1.175,0	1.187,0	1.190,0	1.195,0	1.100,0	1.106,0	5.778,00	-1,20	
	- Tiểu học	Học sinh	1.735,0	1.750,0	1.760,0	1.770,0	1.778,0	1.787,0	8.845,00	0,59	
	- Trung học cơ sở (bao gồm DTNT	"	1.690,0	1.716,0	1.720,0	1.720,0	1.725,0	1.730,0	8.611,00	0,47	
2	Y tế										

[illegible]

Biểu mẫu số 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2026 - 2030

(Kèm theo Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Sơn Hà)

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện 2025	Ước tính năm 2026	Ước tính năm 2027	Ước tính năm 2028	Ước tính năm 2029	Ước tính năm 2030	Ước TH giai đoạn 2026- 2030/ đến năm 2030	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2026- 2030	Ghi chú
I	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã giá hiện hành	Triệu đồng	1.497.962,61	1.673.322,19	1.863.749,45	2.088.727,74	2.468.528,48	2.460.947,41		-	
	Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản)	Triệu đồng	291.315,13	291.087,40	292.803,85	293.001,14	294.974,07	294.736,03		-	
	Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng)	Triệu đồng	351.143,83	465.644,79	596.987,06	742.450,60	883.107,71	1.011.941,95		-	
	Trong đó: Công nghiệp	Triệu đồng	170.373,11	190.874,85	220.658,27	240.150,78	263.073,58	289.257,88		-	
	Khu vực III (Dịch vụ)	Triệu đồng	855.503,65	916.590,01	973.958,54	1.053.276,00	1.290.446,70	1.154.269,43		-	
II	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã giá SS 2010	Triệu đồng	726.156,31	804.857,59	889.734,22	990.827,22	1.170.370,22	1.155.647,39		9,74	
	Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản)	Triệu đồng	147.656,08	147.540,65	148.410,65	148.510,65	149.510,65	149.390,00		0,23	
	Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng)	Triệu đồng	147.283,22	195.309,33	250.399,33	311.412,33	370.409,33	424.447,36		23,58	
	Trong đó: Công nghiệp	Triệu đồng	49.667,03	55.643,69	64.326,12	70.008,56	76.691,00	84.324,23		11,17	
	Khu vực III (Dịch vụ)	Triệu đồng	431.217,00	462.007,61	490.924,24	530.904,24	650.450,24	581.810,03		6,17	
III	Cơ cấu ngành kinh tế	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00		-	
	Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản)	%	19,45	17,40	15,71	14,03	11,95	11,98		-	
	Khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng)	%	23,44	27,83	32,03	35,55	35,77	41,12		-	
	Trong đó: Công nghiệp	%	11,37	11,41	11,84	11,50	10,66	11,75		-	
	Khu vực III (Dịch vụ)	%	57,11	54,78	52,26	50,43	52,28	46,90		-	
IV	Nông nghiệp										
a)	Trồng trọt										
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	4.306,26	4.344,94	4.383,61	4.422,29	4.460,97	4.499,64	22.111,45	0,88	
	Trong đó: + Thóc	Tấn	4.192,45	4.230,84	4.269,23	4.307,62	4.346,02	4.384,41	21.538,12	0,90	
	+ Ngô	Tấn	113,81	114,09	114,38	114,66	114,95	115,23	573,32	0,25	
	+ Lúa: Diện tích	Ha	827,20	826,69	826,18	825,67	825,47	825,46	4.128,37	-0,04	
	Năng suất	Tạ/ha	50,68	51,18	51,67	52,17	52,65	53,11	260,86	0,94	
	Sản lượng	Tấn	4.192,45	4.230,84	4.269,23	4.307,62	4.346,02	4.384,41	21.538,12	0,90	
	+ Ngô: Diện tích	Ha	32,81	32,74	32,87	32,59	32,52	32,85	162,97	0,02	
	Năng suất	Tạ/ha	34,69	34,85	34,80	35,18	35,35	35,08	175,90	0,22	
	Sản lượng	Tấn	113,81	114,09	114,38	114,66	114,95	115,23	573,32	0,25	
	+ Lạc: Diện tích	Ha	23,00	23,75	23,49	23,24	23,98	23,73	94,06	0,63	
	Năng suất	Tạ/ha	24,08	23,87	23,88	23,93	24,14	24,61	128,01	0,44	
	Sản lượng	Tấn	55,39	56,68	56,10	55,60	57,90	58,40	240,20	1,06	
	+ Đậu: Diện tích	Ha	5,17	4,88	5,00	5,12	5,20	5,23	23,06	0,23	
	Năng suất	Tạ/ha	9,36	10,24	10,40	10,55	11,54	11,85	45,01	4,84	
	Sản lượng	Tấn	4,84	5,00	5,20	5,40	6,00	6,20	20,78	5,08	
	- Sắn: diện tích	Ha	1.260,20	1.245,65	1.248,09	1.256,54	1.258,99	1.261,44	6.082,71	0,02	
	Năng suất	Tạ/ha	153,03	153,90	154,80	155,71	156,65	157,61	778,67	0,59	
	Sản lượng	Tấn	19.284,60	19.170,75	19.056,90	18.943,05	18.829,19	19.515,34	94.715,23	0,24	
	- Rau: diện tích	Ha	33,83	34,09	34,36	34,62	34,88	35,15	173,10	0,77	

	Đơn vị tính	Ước thực hiện 2025	Ước tính năm 2026	Ước tính năm 2027	Ước tính năm 2028	Ước tính năm 2029	Ước tính năm 2030	Ước TH giai đoạn 2026- 2030/ đến năm 2030	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2026- 2030	Ghi chú
	Năng suất	Tạ/ha	65,47	67,66	69,81	71,94	74,03	76,09	359,53	3,05
	Sản lượng	Tấn	221,47	230,66	239,86	249,05	258,25	267,44	1.245,26	3,84
b) Chăn nuôi										
- Đàn gia súc:										
+ Đàn trâu	Con	1.567,00	1.549,00	1.531,00	1.541,00	1.528,00	1.493,00	7.642,00	-0,96	
+ Đàn bò	Con	3.169,00	3.171,00	3.173,00	3.175,00	3.177,00	3.180,00	15.876,00	0,07	
Tỷ trọng bò lai	%	30,00	32,00	32,00	32,00	32,00	32,00			
+ Đàn lợn	Con	3.589,00	3.562,00	3.535,00	3.508,00	3.481,00	3.454,00	17.540,00	-0,76	
+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	862,03	857,18	852,33	847,47	842,62	837,77	4.237,37	-0,57	
- Đàn gia cầm	Con	52.611,00	53.952,00	55.293,00	56.634,00	57.975,00	59.319,00	283.173,00	2,43	
2 Lâm nghiệp										
- Tổng diện tích đất có rừng	Ha	10.043,10	10.055,12	10.067,14	10.079,16	10.091,17	10.103,19	50.395,78	0,12	
Trong đó: Rừng trồng	"	7.005,46	7.017,48	7.029,50	7.041,52	7.053,53	7.065,55	35.207,58	0,17	
- Diện tích rừng trồng mới tập trung	"	689,65	701,67	713,69	725,71	737,72	749,74	3.628,53	1,68	
Trong đó: Rừng sản xuất	"	689,65	701,67	713,69	725,71	737,72	749,74	3.628,53	1,68	
Gỗ rừng trồng khai thác	M³	73.560,00	77.200,08	80.840,15	84.480,23	88.120,30	91.760,38	422.401,14	4,52	
- Tỷ lệ che độ che phủ rừng		61,72	61,80	61,80	61,80	61,80	61,80	309,00	0,03	
3 Thủy sản										
- Sản lượng thủy sản	Tấn	27,37	26,98	26,60	26,21	25,83	25,44	131,07	-1,45	
+ Sản lượng khai thác	"	16,32	15,41	14,50	13,59	12,68	11,77	67,94	-6,33	
+ Sản lượng nuôi trồng	"	11,05	11,57	12,10	12,62	13,15	13,67	63,12	4,35	
- Diện tích mặt nước nuôi trồng	Ha	2,47	2,76	3,05	3,34	3,63	3,92	16,69	9,66	
4 Thủy lợi										
- Tổng diện tích được tưới	Ha	187	188	188	188	188	188	940,00	0,11	
Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố	"	187	188	188	188	188	188	940,00	0,11	
V VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG								0,00		
1 Giáo dục và đào tạo								0,00		
Tổng số học sinh đầu năm học		4.623,00	4.770,00	4.825,00	4.865,00	4.990,00	5.070,00	24.520,00	1,86	
- Mầm non	Cháu	1.106,0	1.120,00	1.120,00	1.120,00	1.130,00	1.130,00	5.620,00	0,43	
- Tiểu học	Học sinh	1.787,0	1.900,00	1.950,00	1.990,00	2.100,00	2.150,00	10.090,00	3,77	
- Trung học cơ sở (bao gồm DTNT	"	1.730,0	1.750,00	1.755,00	1.755,00	1.760,00	1.790,00	8.810,00	0,68	
2 Y tế										
Tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng	%	16,3	14,30	12,30	10,30	8,00	6,00	50,90		
Tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao	%	23,4	23,00	22,50	22,00	21,50	21,00	110,00		
3 Dân số trung bình	người	20.083,00	20.083,00	20.083,00	20.083,00	20.083,00	20.083,00	100.415,00		
Tổng số hộ	Hộ	5.234,00	5.281,00	5.283,00	5.283,00	5.283,00	5.283,00	26.413,00		
- Số hộ nghèo	"	250,00	168,00	120,00	70,00	20,00	20,00	398,00		
- Số hộ nghèo giảm trong năm	"	321,00	82,00	50,00	50,00	50,00	20,00	252,00		
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới Quốc gia	%	4,78	3,18	2,27	1,33	0,38	-	7,16		
4 Văn hóa										
Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa.				96,00	96,00	96,00	96,00			
- Gia đình văn hoá	%	95,60	96,00	100,00	100,00	100,00	100,00	496,00		

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện 2025	Ước tính năm 2026	Ước tính năm 2027	Ước tính năm 2028	Ước tính năm 2029	Ước tính năm 2030	Ước TH giai đoạn 2026- 2030/ đến năm 2030	Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2026- 2030	Ghi chú
	- Thôn văn hoá	%	100,00	100,00					100,00		
5	Các chỉ tiêu môi trường và xã hội khác				100,00	100,00	100,00	100,00	400,00		
	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	500,00		
	Tỷ lệ thôn có điện	%	100,00	100,00	16,00	18,00	18,00	20,00	172,00		
	Số thôn thực hiện thu gom, xử lý rác thải, chất thải rắn ở nông thôn	thôn	16,00	16,00	100,00	100,00	100,00	100,00	416,00	44,27	
	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	100,00	100,00					100,00		
VI	CHỈ TIÊU QUỐC PHÒNG - AN NINH				100,00	100,00	100,00	100,00	400,00		
	Tỷ lệ tuyển quân	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	500,00		
	Xây dựng xã vững mạnh về quốc phòng	%	100,00	100,00					100,00		
	Tỷ lệ đạt chuẩn về "An toàn về an ninh trật tự"	%			100,00	100,00	100,00	100,00	400,00		
	- Thôn	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	500,00		
	- Cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	500,00		